

CHỨC DANH TÀI PHÁN VIÊN TRONG TÒA ÁN Ở NHẬT BẢN

Phan Tuấn Ly*, Lê Hương Trà, Trần Thiên Bảo Ngọc

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

ptly@hcmulaw.edu.vn

TÓM TẮT— Tài phán viên là một trong những chức danh tư pháp, tham gia vào xét xử các vụ kiện hình sự tại Nhật Bản. Nghiên cứu chức danh tài phán viên ở Nhật có thể hỗ trợ cho hoạt động cải cách tư pháp của các quốc gia đang phát triển trên thế giới. Bài viết trình bày về chức danh tài phán viên trong toà án ở Nhật Bản. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích nội dung (content analysis) để mô tả chế độ tài phán viên trong quy trình tố tụng hình sự của Nhật. Kết quả nghiên cứu đã khái quát quy định của pháp luật Nhật Bản về chức danh tài phán viên, mô tả quyền, nghĩa vụ của chức danh này, đồng thời cũng phân tích được các vấn đề liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của họ. Theo đó, bài viết đã giới thiệu và phân tích việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, sự độc lập trong thực thi nhiệm vụ và các ưu đãi nghề nghiệp dành cho chức danh này. Chế độ tài phán viên được đánh giá là có giá trị tích cực đối với hoạt động giám sát của người dân dành cho quyền lực tư pháp của quốc gia Nhật Bản. Bài viết này được kỳ vọng cho thấy góc nhìn đa chiều đối với các nghiên cứu liên quan đến cải cách tư pháp trong bối cảnh Việt Nam cũng đang có những biến chuyển trong lĩnh vực này.

Từ khóa— Tài phán viên, giám sát xét xử, tòa án Nhật Bản, cải cách tư pháp.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chế độ tài phán viên (sau đây viết tắt là TPV) là một trong những hình thức tiêu biểu của việc người dân tham gia vào hoạt động xét xử tại tòa án. Trong một nhà nước pháp quyền, đặc biệt là quốc gia phát triển như Nhật Bản, vai trò của TPV đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao các giá trị dân chủ của quốc gia. Nhờ có sự tham gia của TPV, phiên tòa xét xử được đánh giá khách quan, minh bạch hơn. Các quyết định của TPV mang ý nghĩa đại diện cho tiếng nói của công chúng và phản ánh ý thức của người dân. Thông qua chế độ TPV, quyền làm chủ của nhân dân cũng được bảo đảm. Vì vậy, đây là một trong những mô hình tiêu biểu của việc nhân dân tham gia vào quá trình xét xử và được nhiều quốc gia trên thế giới tham khảo và học hỏi. Bài viết này tìm hiểu chế độ TPV trong bối cảnh pháp lý của Nhật Bản. Trên cơ sở này, bài viết sẽ giải quyết các câu hỏi sau: Một là, cơ sở lý thuyết nào cho sự ra đời của chế độ TPV? Hai là, TPV có những quyền hạn và nghĩa vụ gì? Ba là, nghề nghiệp TPV bao gồm, bổ nhiệm và miễn nhiệm, sự độc lập, các ưu đãi nghề nghiệp được quy định như thế nào trong pháp luật Nhật Bản?

II. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Các nghiên cứu về sự tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử của tòa án, đặc biệt là chế độ TPV, đã được tiến hành bởi nhiều học giả. Ở Nhật Bản, các học giả pháp lý và khoa học xã hội có nhiều công bố liên quan đến TPV. Nhìn chung, các nghiên cứu này có thể chia thành hai hướng chính: một là quá trình lập pháp liên quan đến chế độ TPV, hai là bàn luận về nội dung của chế độ TPV. Về quá trình lập pháp, một số nghiên cứu nổi bật có thể kể đến: tác giả Noboru Yanase [1] đã viết về quá trình lập pháp của chế độ TPV dựa trên các lý thuyết về dân chủ; Satoshi Mishima [2] đã bàn về cơ sở lý luận và tính tương thích với hiến pháp của hệ thống TPV. Các công trình khác như của Shinsho Yoshimura [3] và Ken Takeshita [4] cũng thuộc xu hướng nghiên cứu này. Về nội dung của chế độ TPV, các nghiên cứu tiêu biểu bao gồm các bài viết của Takashi Maruta [5], Yoshiyuki Matsumura [6], Li Takayuki [7], Lempert R.O. [8], và Chie Zheng [9]. Những bài viết này đánh giá tổng quan về chế độ TPV, nêu ra các đặc điểm và mục tiêu của chế độ, đồng thời so sánh với các mô hình khác về sự tham gia của người dân vào việc xét xử. Ở Việt Nam, một số nghiên cứu liên quan đến việc nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử có thể kể đến như Trần Thị Thu Hằng [10] với nội dung về nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương Anh [11] về thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự, qua nghiên cứu mô hình của Hoa Kỳ và Nhật Bản, từ đó đề xuất kinh nghiệm cho Việt Nam.

Nhìn chung, sự quan tâm của giới học thuật đến chế độ TPV đang ngày càng gia tăng, phản ánh nhu cầu giám sát của người dân đối với hệ thống tư pháp. Trong bối cảnh đó, các nghiên cứu liên quan đến việc người dân tham gia vào hoạt động xét xử vẫn còn tương đối ít, đặc biệt là các nghiên cứu so sánh với nước ngoài. Kết quả khảo sát tình hình nghiên cứu của bài viết này cho thấy tại Việt Nam chưa có nghiên cứu về chế độ TPV ở Nhật Bản, một quốc gia được xem là xây dựng mô hình hiệu quả. Điều này dẫn đến việc thiếu hụt kinh nghiệm của nước ngoài về ưu, nhược điểm của cơ chế người dân tham gia vào hoạt động xét xử. Trước bối cảnh học thuật đó, bài viết này được kỳ vọng sẽ góp thêm những tri thức liên quan đến chế độ TPV trong mô hình tổ chức quyền tư pháp của Nhật Bản.

III. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

A. CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG TÒA ÁN NHẬT BẢN

Tại Nhật Bản, tòa án là một trong ba cơ quan hoạt động theo nguyên tắc “tam quyền phân lập”, nắm giữ quyền tài phán nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Hệ thống tòa án Nhật Bản đứng đầu bởi Tòa tối cao (最高裁判所 - Saikou Saibansho), trực thuộc có các tòa án khác. Theo đó, các tòa án khác bao gồm Tòa cấp cao (高等裁判所 - Koutou Saibansho), Tòa án địa phương (地方裁判所 - Chihou Saibansho), Tòa án gia đình (家庭裁判所 - Katei Saibansho) và Tòa án giản đơn (簡易裁判所 - Kani Saibansho). Các cấp tòa án đều tiến hành xét xử các vụ kiện thuộc nhiều lĩnh vực như dân sự, hình sự, hành chính, gia đình. Với mục đích bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân, hệ thống tòa án Nhật Bản áp dụng chế độ ba cấp xét xử.

Tòa tối cao nắm giữ quyền hạn cao nhất theo Hiến pháp Nhật Bản hiện hành (1945¹). Đặc biệt, phán quyết của Tòa này mang tính chung thẩm, nghĩa là cấp xét xử cuối cùng trong quy trình tố tụng. Ngoài chức năng xét xử, Tòa tối cao có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến kỹ luật nội bộ và xử lý hành chính tư pháp. Đứng đầu Tòa tối cao là chánh án, được bổ nhiệm bởi Thiên hoàng dưới sự chỉ định của Nội các. Bên cạnh đó, Tòa tối cao còn có 14 vị thẩm phán khác, được bổ nhiệm bởi Nội các, chịu giám sát của người dân. Ngoài ra, chánh án tòa án các cấp và các thẩm phán có tên trong danh sách đề cử của Tòa tối cao sẽ được Nội các bổ nhiệm dưới sự phê chuẩn của Thiên hoàng (Điều 40 Luật Tòa án hiện hành²).

Tòa cấp cao là tòa án có thẩm quyền xét xử đứng sau Tòa tối cao. Thẩm quyền của Tòa cấp cao được quy định tại Điều 16 Luật Tòa án hiện hành. Theo đó, Tòa cấp cao có quyền xét xử lại các vụ kiện đã có bản án sơ thẩm của Tòa án địa phương, Tòa gia đình, bản án hình sự của tòa án cấp sơ thẩm và có các quyền khác³.

Tòa án địa phương có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ kiện dân sự và hình sự (Điều 24 Luật Tòa án hiện hành). Theo đó, Tòa này có thẩm quyền giải quyết những vụ việc dân sự có yêu cầu bồi thường từ 1,4 triệu yên trở lên và dưới 1,4 triệu yên trong trường hợp có tài sản là bất động sản tại địa phương. Trong các vụ kiện hình sự, tòa này có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với những tội liên quan đến nội chiến được quy định tại Luật Hình sự hiện hành (1907⁴) và những tội có mức hình phạt trên mức phạt tiền. Đặc biệt, trong tố tụng dân sự, Tòa án địa phương có thể xét xử phúc thẩm đối với vụ kiện dân sự được xét xử bởi tòa án giản đơn theo thủ tục kháng cáo. Đối với tố tụng hình sự, Tòa án địa phương không có thẩm quyền xét xử phúc thẩm.

Tòa án gia đình là tòa án thụ lý giải quyết những vụ kiện liên quan đến gia đình, nhân sự và bảo hộ trẻ vị thành niên (Điều 31-3 Luật Tòa án hiện hành). Khi giải quyết tranh chấp phát sinh trong gia đình, theo thủ tục thông thường thì các bên sẽ tranh tụng công khai tại tòa án. Tuy nhiên, việc tiến hành thủ tục như vậy có thể dẫn đến mâu thuẫn cảm xúc giữa các bên không được giải quyết một cách đầy đủ. Vì vậy, đối với vụ án liên quan đến quan hệ gia đình, trước tiên phải giải quyết thông qua thủ tục không công khai. Mặt khác, thủ tục giải quyết không công khai cũng được áp dụng cho vụ kiện đối với trẻ vị thành niên có hành vi trái pháp luật. Bởi lẽ nếu áp dụng thủ tục thông thường như đối với người trưởng thành sẽ không mang lại kết quả tốt cho trẻ vị thành niên. Trong trường hợp này, phiên tòa sẽ được tổ chức khép kín, kết hợp với các biện pháp mang tính giáo dục nhằm ngăn ngừa tái phạm [12].

Tòa án giản đơn là tòa án có số lượng lớn nhất Nhật Bản. Theo Điều 33 Luật Tòa án hiện hành thì tòa án giản đơn có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với các vụ kiện có giá trị đối tượng không vượt quá 1,4 triệu yên (không bao gồm những yêu cầu liên quan đến tố tụng hành chính) và vụ kiện đối với các tội phạm có mức hình phạt từ hai mức phạt tiền trở xuống, các tội được quy định hình phạt tiền hoặc các tội quy định tại Điều 186, Điều 252, Điều 256 Luật Hình sự hiện hành. Tuy nhiên, tòa án giản đơn không thể áp dụng hình phạt nặng hơn hình phạt tù,

¹ 日本国憲法, 昭和二十一年憲法, 昭和二十一年十一月三日, 日本国会 (Hiến pháp Nhật Bản, Hiến pháp năm 1945, ngày 3 tháng 11 năm 1945, Quốc hội Nhật Bản).

² 裁判所法, 昭和二十二年法律第五十九号, 昭和二十二年四月十六日, 日本国会 (Luật Tòa án, Luật số 59 năm 1940, ngày 16 tháng 4 năm 1944, Quốc hội Nhật Bản).

³ Nguyên văn: “第十六条(裁判権) 高等裁判所は、左の事項について裁判権を有する。

一 地方裁判所の第一審判決、家庭裁判所の判決及び簡易裁判所の刑事に関する判決に対する控訴

二 第七条第二号の抗告を除いて、地方裁判所及び家庭裁判所の決定及び命令並びに簡易裁判所の刑事に関する決定及び命令に対する抗告

三 刑事に関するものを除いて、地方裁判所の第二審判決及び簡易裁判所の判決に対する上告

四 刑法第七十七条乃至第七十九条の罪に係る訴訟の第一審”

⁴ 刑法, 明治四十年法律第四十五号, 明治四十年四月二十四日, 日本国会 (刑法及び刑事訴訟法の一部を改正する法律, 令和五年法律第六十六号, 令和五年六月二十三日) (Luật Hình sự, Luật số 45 năm 1902, ngày 24 tháng 4 năm 1902, Quốc hội Nhật Bản (Luật sửa đổi một phần Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự, Luật số 66 năm 2023, ngày 23 tháng 6 năm 2023)).

ngoại trừ một số trường hợp luật định. Khi xét thấy cần áp dụng hình phạt vượt quá quyền hạn của mình, tòa án giản đơn sẽ chuyển vụ việc lên tòa án địa phương theo quy định của pháp luật.

B. NHÂN DÂN THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ TẠI TOÀ ÁN

Sự tham gia của người dân vào quá trình xét xử không chỉ góp phần đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả, mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống tư pháp. Về mặt nguyên tắc, sự tham gia của người dân trong quá trình xét xử thể hiện vai trò chủ thể quyền lực nhà nước trong hoạt động thực thi quyền tư pháp. Thông qua đó, quyền lực của người dân được bảo đảm nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền. Hiến pháp Nhật Bản đã trao cho người dân quyền làm chủ thông qua nguyên tắc cơ bản “*chủ quyền thuộc về nhân dân*” (Điều 1 Hiến pháp Nhật Bản). Do đó, việc người dân tham gia vào hoạt động xét xử là việc làm hợp hiến. Các mô hình như TPV, tham thẩm và bồi thẩm được áp dụng ở nhiều quốc gia nhằm thực hiện nguyên tắc này [13, tr.64]. Mặt khác, thông qua các phiên tòa, ý chí của người dân đối với từng vụ việc cũng được phản ánh một cách đầy đủ. Điều này được xem là mục tiêu của việc để người dân tham gia vào hoạt động xét xử. Mức độ nhận thức của người dân được thể hiện tại các phiên tòa sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ lành mạnh của xã hội [13, tr.77]. Về mặt thực tiễn, các mô hình để người dân tham gia vào quá trình xét xử nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch trong hoạt động tư pháp. Những người dân được lựa chọn để tham gia xét xử tại phiên tòa là những công dân bình thường, không có chuyên môn pháp luật. Họ chính là thành phần ngoài cơ quan nhà nước và không có mối quan hệ thường xuyên với những người có chức vụ khác trong hệ thống tư pháp. Nhờ vậy, họ đóng vai trò quan trọng trong việc đại diện cho ý kiến của cộng đồng. Khi đưa ra phán quyết, những đánh giá của họ sẽ có tính khách quan, không bị ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật, lợi ích nhóm hay áp lực từ cơ quan chính trị. Đặc biệt, TPV ở Nhật Bản được pháp luật trao cho những ưu đãi nhất định nhằm bảo vệ quyền lợi của họ, chẳng hạn như họ không phải chịu trách nhiệm cá nhân khi phán quyết của họ bị hiểu sai hay không phải chịu hậu quả khi đưa ra phán quyết làm mất lòng bên có quyền lực trong xã hội [8, tr.8].

IV. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

A. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TÀI PHÁN VIÊN

1. QUYỀN HẠN CỦA TÀI PHÁN VIÊN

Chế độ TPV ở Nhật Bản được xem như là một cơ chế người dân có thể trực tiếp tham gia vào quá trình xét xử tại cơ quan tư pháp, đặc biệt trong các vụ kiện hình sự nghiêm trọng. Những vụ kiện được xem là nghiêm trọng theo quy định của pháp luật Nhật Bản có thể đề cập như vụ kiện có nạn nhân tử vong, tội phạm có thể bị tuyên án tử hình hoặc tù chung thân. Khi tham gia vào hội đồng xét xử (HĐXX) ở các phiên tòa hình sự, TPV không chỉ đưa ra quyết định bị cáo có tội hay không mà còn tham gia cùng các thẩm phán để quyết định mức án trong trường hợp bị cáo bị kết tội. Tuy nhiên, việc đưa ra phán quyết cuối cùng không thể được đưa ra bởi TPV mà cần có sự ủng hộ của ít nhất một trong ba thẩm phán [11, tr.35].

Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Luật TPV năm 2004 (sau đây gọi tắt là Luật TPV), sau khi được bổ nhiệm và tham gia xét xử, TPV có quyền hạn như sau: xác định sự thật của vụ việc; áp dụng pháp luật để xét xử vụ kiện; và tham gia vào việc đưa ra quyết định về tội danh và mức án của bị cáo. Khi trở thành thành viên trong hội đồng để xét xử trong một vụ kiện, các TPV có thẩm quyền tương đương với các thẩm phán. Theo đó, họ có quyền tham gia thảo luận, đưa ra ý kiến và áp dụng pháp luật để xác định sự thật của vụ việc, cuối cùng là thực hiện việc bỏ phiếu để đưa ra quyết định cuối cùng của vụ kiện.

(i) TPV được phép tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận của HĐXX, đóng góp ý kiến và quan điểm cá nhân về các khía cạnh của vụ kiện. Họ cũng có quyền đặt câu hỏi cho nhân chứng, các bên liên quan và các thẩm phán (Điều 56, 57, 58 Luật TPV⁵). Trên cơ sở đó, các TPV cũng có quyền tranh luận về các bằng chứng và lập luận được trình bày trong phiên tòa nhằm giải quyết vụ kiện một cách công bằng, chính xác nhất.

(ii) TPV có quyền nêu lên ý kiến cá nhân về các chứng cứ, lời khai của nhân chứng và các lập luận của các bên. Ý kiến của họ sẽ được xem xét cẩn trọng và là căn cứ quan trọng để HĐXX đưa ra quyết định. Điều 11 Luật Tòa án hiện hành của Nhật đã quy định về nội dung này như sau: “*Phán quyết phải thể hiện ý kiến của từng thẩm phán*”. Vì quyền hạn của TPV ngang hàng với các thẩm phán nên họ có quyền đưa ra ý kiến của mình tương tự như thẩm phán. Việc TPV có quyền trình bày ý kiến riêng sẽ thúc đẩy họ có trách nhiệm hơn trong quá trình xét xử. Bên cạnh đó, ý kiến của từng TPV sẽ được nêu rõ trong phán quyết, từ đó sẽ tạo ra một cơ chế giám sát nội bộ, giúp đảm bảo rằng TPV không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

(iii) Khi tham gia vào HĐXX, TPV có quyền biểu quyết tương tự như thẩm phán trong các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX. Phiếu bầu của họ được coi là có giá trị tương đương với phiếu của các thẩm phán. Điều này được cho là sẽ đảm bảo rằng các quyết định của HĐXX là kết quả của sự đồng thuận và không bị ảnh hưởng bởi

⁵ 裁判員の参加する刑事裁判に関する法律, 平成十六年法律第六十三号, 平成十六年五月二十八日, 日本国会 (Luật xét xử hình sự có sự tham gia của tài phán viên, Luật số 63 năm 2004, ngày 28 tháng 5 năm 2004, Quốc hội Nhật Bản).

sự chênh lệch về chức danh hay quyền lực giữa các thành viên trong hội đồng. Theo quy định tại Điều 67 của Luật TPV, sau khi tiến hành thảo luận chung với các thẩm phán, phán quyết cuối cùng sẽ được đưa ra dựa trên đa số phiếu bầu trong HĐXX.

Ngoài ra, theo khoản 3, khoản 5 Điều 66 Luật TPV trước khi tham gia xét xử, TPV có quyền được đào tạo về các quy trình tố tụng, luật định liên quan, và vai trò, nhiệm vụ của họ trong HĐXX để họ có thể dễ dàng thực hiện trách nhiệm của mình một cách tốt nhất. Quyền hạn của TPV thể hiện sự tin tưởng của cơ quan tư pháp rằng họ sẽ đưa ra phán quyết công bằng và sáng suốt. Chế độ này đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường sự công bằng, minh bạch và hiệu quả của hệ thống tư pháp Nhật Bản.

2. NGHĨA VỤ CỦA TÀI PHÁN VIÊN

TPV tham gia các phiên tòa xét xử các vụ kiện phải thực hiện tốt quyền hạn và đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ của mình. Căn cứ theo Điều 9 Luật TPV, TPV có bốn nghĩa vụ cơ bản bao gồm nghĩa vụ chung, nghĩa vụ giữ bí mật, nghĩa vụ bảo đảm tính công bằng và nghĩa vụ giữ gìn phẩm giá của chính mình.

Thứ nhất, nghĩa vụ chung của TPV được quy định tại khoản 1 Điều 9⁶ rằng phải thực hiện nhiệm vụ của mình một cách công bằng, trung thực và tuân theo quy định của pháp luật. Điều này có nghĩa là TPV phải đánh giá các tình huống, bằng chứng và lời khai một cách khách quan, không có sự thiên vị các bên. TPV phải hành xử một cách trung thực, không được thực hiện bất kỳ hành vi sai trái nào có thể làm ảnh hưởng đến tính công bằng trong quá trình xét xử và phán quyết cuối cùng. Đồng thời, việc tuân thủ các quy định của pháp luật là bắt buộc. Các pháp luật liên quan có thể kể đến như: Luật Tòa án hiện hành, Luật TPV nhằm đảm bảo rằng mọi quyết định và hành động của TPV đều đảm bảo luật định. Như vậy, nghĩa vụ này yêu cầu TPV không chỉ đảm bảo tính liêm chính cá nhân mà còn góp phần bảo vệ sự công bằng và minh bạch của toàn bộ quá trình xét xử.

Thứ hai, theo quy định tại khoản 2 Điều 9⁷ Luật TPV, TPV có nghĩa vụ giữ bí mật những gì diễn ra trong quá trình tham gia xét xử. Điều 70 Luật TPV đã quy định cụ thể rằng, “*Thông tin từ các cuộc thảo luận (...) chẳng hạn như các chi tiết mà Hội thẩm nhân dân được phép nghe, ý kiến và số lượng cả Thẩm phán hoặc Hội thẩm nhân dân có ý kiến này (sau đây gọi là “bí mật nghị án”) sẽ không được tiết lộ*”. Nếu TPV vi phạm nghĩa vụ bảo mật, họ sẽ phải chịu các hình phạt nghiêm khắc theo Điều 108 Luật TPV. Cụ thể, nếu tiết lộ bí mật thảo luận hoặc “*các bí mật khác*”, TPV có thể bị phạt tiền lên đến 500.000 yên hoặc phạt tù tối đa 6 tháng (khoản 1 Điều 108). Các cựu TPV cũng có thể bị bỏ tù nếu tiết lộ bí mật vì lợi nhuận hoặc các bí mật thảo luận cụ thể (khoản 2 Điều 108). Họ bị cấm chia sẻ quan điểm về mức độ nghiêm trọng của bản án hoặc những sự thật mà họ nghĩ nên được tìm thấy, dù đồng ý hay không với kết quả của tòa án (khoản 6 Điều 108).

Thứ ba, nghĩa vụ bảo đảm tính công bằng theo khoản 3 Điều 9⁸ Luật TPV. Các TPV không được thực hiện các hành vi sau: Tiếp xúc riêng với một bên tham gia vụ kiện mà không có mặt bên kia; tiết lộ thông tin bí mật của vụ kiện cho một bên tham gia vụ kiện; phát biểu, bình luận tại phiên tòa, phiên họp, trước công chúng hoặc truyền thông làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ việc một cách vô tư, khách quan trước khi ra phán quyết; tham gia vào các hoạt động có thể gây ảnh hưởng đến sự khách quan; có hành vi thiên vị đối với một bên tham gia vụ kiện; có hành vi tham nhũng, hối lộ,... nhằm đảm bảo không gây tổn hại đến niềm tin vào tính công bằng của phiên xét xử. Để duy trì tính công bằng, TPV phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm phẩm giá, liêm chính, trung thực và khách quan trong quá trình xét xử. Người dân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm đạo đức của TPV tới các cơ quan có thẩm quyền để được xử lý.

Thứ tư, TPV cũng không được thực hiện các hành vi gây tổn hại đến phẩm giá của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 9⁹ Luật TPV. Tại Nhật Bản, “phẩm giá” được hiểu là việc hình thành nhân cách con người một cách xuất sắc, có thể trở thành yếu tố cốt lõi trong mọi lĩnh vực của xã hội và có khả năng hành động vì lợi ích của người khác¹⁰ [14]. Do đó, phẩm giá của TPV đã trở thành biểu tượng niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp. Họ có nghĩa vụ duy trì phẩm giá không chỉ trong tòa án mà còn trong các hành vi bên ngoài, nhằm không làm tổn hại đến niềm tin của công chúng. Hành vi làm tổn hại phẩm giá của chính mình có thể gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên liên quan và khiến họ mất niềm tin vào kết quả xét xử. Do đó, TPV cần tránh các hành vi gây tổn hại đến phẩm giá để đảm bảo hệ thống tư pháp hoạt động hiệu quả và công bằng.

B. QUY ĐỊNH VỀ NGHỀ NGHIỆP

1. BỐ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TÀI PHÁN VIÊN

⁶ Nguyên văn: “裁判員は、法令に従い公平誠実にその職務を行わなければならない。”

⁷ Nguyên văn: “裁判員は、第七十条第一項に規定する評議の秘密その他の職務上知り得た秘密を漏らしてはならない。”

⁸ Nguyên văn: “裁判員は、裁判の公正さに対する信頼を損なうおそれのある行為をしてはならない”

⁹ Nguyên văn: “裁判員は、その品位を害するような行為をしてはならない。”

¹⁰ Nguyên văn: “「品格」とは、社会のあらゆる分野で核となり、他者のために働きかけることのできる、優れた人間性の形成。”

Để trở thành TPV, người dân phải đáp ứng một số điều kiện nhất định, trải qua quy trình bổ nhiệm và có thể sẽ bị miễn nhiệm trong trường hợp vi phạm pháp luật. Các quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm TPV sẽ được đưa ra bởi tòa án. Theo Luật TPV, TPV phải là người có quyền bầu cử cho các thành viên của Hạ viện¹¹ (Điều 13 Luật). Quy trình bổ nhiệm TPV như sau:

Đầu tiên, trước ngày 01 tháng 9 hàng năm, các tòa án quận (区 - Ku), ủy ban quản lý bầu cử (選挙管理委員会 - Senkyokanri-iinkai) của thành phố lập danh sách các ứng cử viên cho đoàn TPV năm sau. Những người này được lựa chọn ngẫu nhiên trong số những người có quyền bỏ phiếu cho thành viên của Hạ viện. Sau đó, danh sách này được gửi đến tòa án địa phương. Vào tháng 11 cùng năm, những người có tên trong danh sách ứng cử viên sẽ nhận được thông báo về kết quả tuyển chọn TPV (Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23).

Tiếp đến, các ứng cử viên sẽ được lựa chọn một cách ngẫu nhiên cho mỗi phiên tòa được tổ chức vào 6 tháng sau. Số lượng ứng cử viên được lựa chọn là sáu người. Họ sẽ nhận được giấy triệu tập về ngày phải xuất hiện tại phiên tòa. Phiên tòa này được tổ chức khép kín theo quy định tại Điều 33 Luật TPV. Tuy nhiên, Takaaki Matsumiya cho rằng quy trình tuyển chọn TPV nên được tổ chức công khai, bởi lẽ việc công khai quy trình tuyển chọn TPV được coi là con đường ngắn nhất để củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp [15, tr. 108]. Tuy nhiên, tác giả này cũng có ý kiến cho rằng một số thủ tục vẫn nên được giữ kín, chẳng hạn việc yêu cầu không bổ nhiệm một số TPV mà không nêu lý do theo Điều 36 hay việc đặt câu hỏi dành cho các ứng cử viên theo Điều 34. Ngoài ra, theo quan điểm của ông, quy định công tố viên và bị cáo được quyền đưa ra yêu cầu không bổ nhiệm TPV mà không có lý do sẽ dẫn đến thiếu công bằng trong quy trình tuyển chọn [15, tr. 108].

Cuối cùng, những người được lựa chọn sẽ được bổ nhiệm thông qua thủ tục bổ nhiệm tại tòa án, trở thành TPV và có thể tham gia vào quá trình xét xử. Theo Sadato Goto, quy trình tuyển chọn diễn ra không quá phức tạp trên thực tế. Các ứng cử viên hoặc nhóm ứng cử viên chỉ cần trả lời những câu hỏi đơn giản do chủ tọa phiên tòa đặt ra. Bên cạnh đó, luật sư có thể tham dự phiên tòa này và trong một số trường hợp có thể yêu cầu chủ tọa phiên tòa hỏi thêm mà không được tự mình đưa ra câu hỏi dưới góc độ cá nhân. Đáng chú ý là Điều 36 Luật TPV quy định về quyền đưa ra yêu cầu không bổ nhiệm TPV mà không có lý do của công tố viên và bị cáo. Sadato Goto cho rằng thời gian để các bên xem xét thực hiện quyền trên là còn hạn chế [16, tr. 56]. Thêm vào đó, theo quan điểm của Takaaki Matsumiya, công tố viên và luật sư cũng cần được cho phép đặt câu hỏi trong quá trình hỏi đáp. Lý do là vì câu hỏi đến từ nhiều chủ thể khác nhau có thể giúp tìm ra những câu trả lời chi tiết hơn, làm cơ sở cho quyết định bổ nhiệm hay không bổ nhiệm TPV [16, tr. 108].

TPV sẽ bị miễn nhiệm trong trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 41 Luật TPV hoặc khi có đơn yêu cầu của công tố viên, bị cáo, luật sư bào chữa hoặc theo yêu cầu của chính TPV đó khi họ nhận thấy mình khó có thể tham gia xét xử. Lúc này, tòa án tiến hành xem xét và ra quyết định miễn nhiệm TPV. Theo đó, miễn nhiệm TPV được thực hiện thông qua quy trình sau:

Thứ nhất, tòa án tiến hành xem xét quy định tại Điều 41 Luật TPV, nếu TPV vi phạm khoản 1, 3, 6, 9 Điều này thì ra quyết định miễn nhiệm. Tuy nhiên, khi tòa án xét thấy có cơ sở hợp lý để nghi ngờ rằng có thể áp dụng khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 41 thì chủ tọa phiên tòa phải thông báo lý do miễn nhiệm cho tòa án địa phương nơi TPV đang thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, Masahiro Fujita cho rằng cần phải chú ý khi áp dụng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 để miễn nhiệm TPV với lý do nghi ngờ về tính công bằng [17, tr. 104-105]. Theo ông, lý do “*nghi ngờ về tính công bằng*” có thể bị lạm dụng một cách dễ dàng, dẫn đến việc miễn nhiệm TPV không hợp lý và tạo ra những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến quy trình tố tụng. Vì vậy, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 nên được áp dụng một cách hạn chế, chỉ trong trường hợp có nguy cơ lớn về việc TPV có thể tiến hành một phiên tòa không công bằng do đã tiếp cận những thông tin nằm ngoài tố tụng [17, tr. 104-105].

Thứ hai, sau khi đã nhận được thông báo của chủ tọa phiên tòa về lý do miễn nhiệm TPV, tòa án địa phương xem xét các khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 41 Luật TPV. Trong trường hợp nhận thấy TPV vi phạm điều khoản này, tòa án địa phương sẽ ra quyết định miễn nhiệm TPV.

2. SỰ ĐỘC LẬP CỦA TÀI PHÁN VIÊN

Điều 8 Luật TPV quy định: “*TPV thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập.*”¹² Như vậy, có thể thấy TPV độc lập trong thực hiện thẩm quyền tại các phiên tòa hình sự từ cấp quận và chỉ trong trường hợp vụ kiện có tính chất nghiêm trọng chẳng hạn như nạn nhân chết hoặc tội phạm có thể phải chịu hình phạt tử hình, tù chung thân. Ví dụ như các vụ án có tình tiết giết người, cướp tài sản dẫn đến chết người,... [11, tr.34]. Đồng thời, TPV phải cam kết rằng không bị ảnh hưởng bởi áp lực chính trị, tư duy nhóm hoặc yếu tố chủ quan. Khi đó, họ mới có thể đưa ra phán quyết một công bằng, không thiên vị, dựa trên bằng chứng và pháp luật. Ngoài ra, sự độc lập của

¹¹ Nguyên văn: “第十三条 裁判員は、衆議院議員の選挙権を有する者の中から、この節の定めるところにより、選任するものとする”。

¹² Nguyên văn: “第八条 裁判員は、独立してその職権を行う。”

TPV còn có thể được đánh giá dựa trên việc họ tự mình xem xét các tình tiết vụ việc, diễn giải pháp luật và ra phán quyết. Trong quá trình xét xử, TPV có thể thảo luận với thẩm phán, tham khảo ý kiến chuyên môn và nắm bắt mong muốn của người dân. Tuy nhiên, khi ra phán quyết, họ cần xem xét độc lập và khách quan, không bị ràng buộc bởi ý kiến bên ngoài. TPV thể hiện sự độc lập của họ thông qua việc biểu quyết để giải quyết các vấn đề trong phiên xét xử, với quyết định dựa trên đa số. Tính độc lập của TPV phải được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Độc lập tức là tuân theo pháp luật và tuân theo pháp luật để được độc lập [10, tr.50].

3. CÁC ƯU ĐÃI NGHỀ NGHIỆP CỦA TÀI PHÁN VIÊN

TPV được lựa chọn từ những người bình thường, không có chuyên môn pháp lý. Họ đại diện cho tiếng nói của dân chúng và tham gia vào quá trình xét xử. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, TPV gần như không thể tránh khỏi sự quấy rối, đe dọa hoặc trả thù từ các bên không hài lòng với quyết định họ đưa ra. Do đó, Luật TPV đã đưa ra một số quy định cụ thể nhằm bảo vệ cho TPV.

Đầu tiên, Điều 100 Luật TPV đã quy định về việc cấm đối xử bất lợi với người lao động là TPV khi họ thực hiện nhiệm vụ trong vai trò TPV. Theo đó, sau khi người lao động được bổ nhiệm làm TPV và họ xin nghỉ phép tại nơi làm việc để thực hiện nhiệm vụ của TPV, trong trường hợp này người sử dụng lao động không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử, gây bất lợi về điều kiện làm việc, tiền lương và các quyền lợi khác đối với người lao động đó. Điều khoản này cũng được áp dụng cho những người đã từng là TPV nhưng hiện tại không còn đảm nhận chức vụ. Đối xử bất lợi có thể hiểu đơn giản là việc tính toán không công bằng khiến người lao động chịu thiệt thòi. Ienaga Isao đã đưa ra một ví dụ liên quan: để người lao động được hưởng chế độ nghỉ phép có lương, thì họ phải làm việc tối thiểu 80% tổng số ngày làm việc trong năm. Tuy nhiên, nếu những ngày nghỉ để thực hiện nhiệm vụ của TPV cũng bị tính vào 20% được nghỉ phép có lương, thì người lao động bị xem là đối xử bất lợi vì cách tính như vậy làm thiệt hại đến quyền lợi của họ [18]. Điều này bị xem là gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người lao động được chọn làm TPV vì những ngày nghỉ để thực hiện nhiệm vụ cần phải được loại trừ ra khỏi 20% số ngày được nghỉ phép có lương trong năm. Do vậy, hành vi đối xử bất lợi trong trường hợp này sẽ bị pháp luật không cho phép.

Thứ hai, TPV sẽ được đảm bảo bí mật thông tin cá nhân. Theo Điều 101 Luật TPV, TPV và người từng làm TPV sẽ được bảo mật các thông tin như tên, địa chỉ, thông tin cá nhân khác có thể xác định được TPV, trừ trường hợp họ đồng ý công khai các thông tin này. Văn phòng công tố quận Miyazaki, tỉnh Kyushu, nêu lý do của quy định này là để ngăn chặn việc tiếp xúc hoặc tác động tới TPV, bảo vệ sự yên ổn của họ, đồng thời đảm bảo tính công bằng trong quá trình xét xử của phiên tòa có TPV. Ví dụ, việc công bố trên mạng internet rằng bản thân mình đã trở thành TPV là không được phép, nhưng họ vẫn có quyền chia sẻ điều này với gia đình hoặc những người thân thiết trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, sau khi không còn là TPV, việc công khai rằng mình đã từng là TPV không bị cấm [19]. Vì TPV là người tham gia vào các hoạt động xét xử và quyết định về các vụ kiện, việc bảo vệ thông tin cá nhân của họ là cần thiết để ngăn chặn việc họ bị quấy rối, đe dọa, hoặc trả thù từ phía những người có liên quan đến vụ kiện. Điều này cũng nhằm đảm bảo tính khách quan và sự công tâm của TPV, giúp họ tập trung vào nhiệm vụ mà không phải lo lắng về việc bị tiết lộ danh tính trong trường hợp không mong muốn.

Thứ ba, quy định về việc cấm tiếp xúc với TPV tại Điều 102 Luật TPV. Không ai được liên lạc với người đã giữ chức vụ TPV hoặc TPV dự khuyết nhằm mục đích khai thác các bí mật mà TPV hoặc TPV dự khuyết đã biết được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng cho vụ kiện, các tổ chức, cá nhân không được phép tiếp xúc với TPV trong suốt quá trình xét xử. Điều luật này nhằm đảm bảo rằng mọi thông tin liên quan đến quá trình xét xử và quyết định của TPV sẽ không bị rò rỉ hay lạm dụng sau khi phiên tòa kết thúc. Đồng thời, việc cấm tiếp xúc đảm bảo sự bảo mật của các quyết định nội bộ cũng như bí mật của vụ kiện.

Cuối cùng, đảm bảo sự an toàn của TPV khi bị đe dọa. Theo đó, bất kỳ ai có hành vi đe dọa đến TPV bằng bất kỳ phương tiện, cách thức nào thì sẽ bị phạt tù không quá hai năm hoặc bị phạt tiền không quá hai triệu yên (Điều 107 Luật TPV). Văn phòng công tố quận Utsunomiya, Kanto nhận định: “*Vận động hành lang hoặc ép buộc một thẩm phán là một tội ác và phải bị trừng phạt nghiêm khắc*” [20]. Nhận định này cho thấy mức độ nghiêm trọng của hành vi này. Lý do là vì, TPV có vai trò quyết định công lý trong các vụ kiện, việc bị đe dọa có thể ảnh hưởng đến sự độc lập của họ, từ đó làm suy giảm tính toàn vẹn của hệ thống tư pháp. Quy định tại Điều 107 không chỉ bảo vệ TPV về mặt pháp lý mà còn tạo ra một môi trường làm việc an toàn và không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài. Điều này rất quan trọng để duy trì niềm tin của công chúng vào tính công minh của hệ thống tư pháp. Thêm vào đó, TPV sẽ được chi trả tiền đi lại, tiền công và tiền lưu trú khi có mặt tại phiên thủ tục tuyển chọn TPV theo đúng thời hạn đã được triệu tập.

Các ưu đãi nghề nghiệp đối với TPV đóng vai trò quan trọng bởi TPV cần được bảo vệ khỏi các hành vi đe dọa, quấy rối, hay bị đối xử bất lợi,... Thông qua việc đảm bảo các ưu đãi cho TPV, họ có thể yên tâm thực hiện công việc của mình một cách công tâm và khách quan, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài. Từ đó, sự độc lập

trong các quyết định của TPV cũng được đảm bảo, góp phần thúc đẩy niềm tin của nhân dân vào hoạt động tư pháp.

V. KẾT LUẬN

TPV là những chủ thể đại diện cho nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử, được ghi nhận quyền và nghĩa vụ cụ thể theo quy định của pháp luật. Họ được xem là những nhân tố đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự công bằng và khách quan phiên tòa tại Nhật Bản. TPV có quyền tham gia xét xử, đưa ra quyết định sau khi xem xét sự thật của vụ việc, áp dụng pháp luật để giải quyết vụ kiện và tham gia quyết định về tội danh cùng mức án của bị cáo. Họ có nghĩa vụ giữ bí mật vụ kiện, đảm bảo sự công bằng, khách quan trong quá trình xét xử và không để mình bị ảnh hưởng bởi bất kỳ yếu tố bên ngoài nào. TPV hoạt động độc lập, không bị can thiệp từ bên ngoài và được pháp luật bảo vệ. Họ được hưởng các ưu đãi nghề nghiệp chẳng hạn như không bị đối xử bất lợi, bảo mật danh tính nhằm đảm bảo an toàn cá nhân và gia đình, được bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ. Để trở thành TPV, người dân phải trải qua quy trình bổ nhiệm và miễn nhiệm TPV được thực hiện nghiêm ngặt, đảm bảo sự độc lập và liêm chính trong công tác xét xử. Đồng thời, các ưu đãi nghề nghiệp dành cho TPV cũng được quy định nhằm thu hút những người có năng lực, góp phần nâng cao chất lượng xét xử của cơ quan tư pháp. Tất cả những yếu tố trên đã xây dựng nên một chế độ TPV nói riêng và một hệ thống tư pháp Nhật Bản nói chung hiệu quả, minh bạch và đáng tin cậy.

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 柳瀬昇 - Noboru Yanase (2009). *裁判員制度の立法学* : 討議民主主義理論に基づく国民の司法参加の意義の再構成, 日本評論, 日本.
- [2] 三島聡 - Satoshi Mishima (2019). 犯罪研究動向: 裁判員制度 10 年, *犯罪社会学研究*, 44, pp. 118-125. DOI: https://doi.org/10.20621/jjscrim.44.0_118
- [3] 吉村真性 - Shinsho Yoshimura (2009). *裁判員制度の概略とその問題点: 裁判員裁判における公平な裁判の実現*, *九州国際大学法学論集*, 15(3), pp. 1-21, <http://id.nii.ac.jp/1265/00000036/>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [4] 竹下賢 - Ken Takeshita (2013). 日本の裁判員裁判制度と民主主義, *關西大學法學論集*, 62(4-5), pp. 1687-1705. <http://id.ndl.go.jp/bib/024289440>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [5] 丸田隆著 - Takashi Maruta (2004). *裁判員制度*, 平凡社新書, 日本.
- [6] 松村良之 - Yoshiyuki Matsumura (2010). 人々の裁判員裁判と刑事司法への態度, *法社会学*, 72, pp. 70-87.
- [7] 飯考行 - Takayuki Ii (2019). Lay Participation Worldwide - 世界の市民の司法参加における日本の裁判員制度, *専修大学法学研究所所報*, 59, pp. 50-67.
- [8] Lempert, R. O. (2001). Citizen participation in judicial decision making: juries, lay judges and Japan, *St. Louis-Warsaw Transatlantic Law Journal*, 2001-2002, pp. 1-14.
- [9] 鄭智慧 - Chie Zheng (2013). 日・韓における市民の刑事司法参加の比較: 国民参与裁判の見直しへの提言, (甲第732号) [博士論文, 一橋大学], *国立国会図書館サーチ*, <https://hermes-ir.lib.hit-u.ac.jp/hermes/ir/re/27663/0201500102>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [10] Trần Thị Thu Hằng (2018). Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật - Thực tiễn thực hiện và kiến nghị, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, (316), tr. 48-53, <https://tapchitoaan.vn/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat-thuc-tien-thuc-hien-va-kien-nghi>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [11] Võ Minh Kỳ & Nguyễn Phương Anh (2018). Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 6 (362), tr. 30-38, <https://diendanngheumat.vn>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [12] 最高裁判所 - Tòa án Tối cao Nhật Bản (n.d.). 下級裁判所, <https://www.courts.go.jp/about/sosiki/kakyusaibansyo/index.html#katei>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [13] 矢次眞 - Makoto Yatsugi (2011). 裁判員法における国民とは何か, *中央学院大学法学論叢*, 24(1/2), pp. 61-92, <https://cgu.repo.nii.ac.jp/record/1136/files/24-04.pdf>, Ngày truy cập: 9 tháng 10, 2024.
- [14] 「品格と学び」の大阪明星学園, *School Category Press*, 14, pp. 1-7, 2012.
- [15] 松宮孝明 - Takaaki Matsumiya (2013). 裁判員制度の改善提言について - 施行後 3 年を経過した裁判員法の再検討, *法社会学*, 79, pp. 106-129.
- [16] 後藤真人 - Sadato Goto (2013). コメント: 裁判員裁判と法教育, *刑法雑誌*, 52, 1, pp. 55-61.
- [17] 藤田政博 - Masahiro Fujita (2021). 裁判員裁判における公判前報道の取扱いに関する問題について, *法と心理*, 21, 1, pp. 98-108.

- [18] 家永勲 - Ienaga Isao (2023). 弁護士法人ALG&Associates, <https://xn--alg-li9dki71toh.com/roumu/holiday/judge-system/>, Ngày truy cập: 12 tháng 10, 2024.
- [19] 宮崎地方検察庁 - Văn phòng công tố quận Miyazaki (2015). <https://www.kensatsu.go.jp/kakuchou/miyazaki/page1000019.html>, Ngày truy cập: 14 tháng 10, 2024.
- [20] 宇都宮地方検察庁 - Văn phòng công tố quận Utsunomiya (2024). <https://www.kensatsu.go.jp/kakuchou/utsunomiya/page1000065.html>, Ngày truy cập: 14 tháng 10, 2024.

THE SAIBAN-IN IN THE COURTS OF JAPAN

Phan Tuan Ly, Le Huong Tra, Tran Thien Bao Ngoc

ABSTRACT— The saiban-in (lay judge) plays a crucial judicial role in Japan’s criminal trial system. Research on this position can inform judicial reform efforts in developing countries worldwide. This article explores the saiban-in role within the Japanese court system, employing content analysis to examine the judicial institution in the context of criminal proceedings. The findings summarize the legal provisions governing the saiban-in, detailing their rights and obligations while analyzing various aspects of their professional activities. The article discusses the processes of appointment and dismissal, the independence of saiban-in in executing their duties, and the professional benefits associated with this position. The saiban-in institution is recognized for its positive contribution to public oversight of judicial power in Japan. This article aims to provide a multidimensional perspective that can enrich research on judicial reform, particularly in the context of Vietnam evolving legal system.

Keyword — Saiban-in (Lay Judge), Trial Supervisor, Japanese Court, Judicial Reform.



Phan Tuấn Ly hiện là giảng viên Bộ môn tiếng Nhật tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Anh ấy tốt nghiệp Thạc sĩ Luật tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, lĩnh vực nghiên cứu mà anh quan tâm là phân tích diễn ngôn pháp luật, Ngôn ngữ học chức năng hệ thống và các vấn đề ngữ pháp của tiếng Nhật hiện đại.



Lê Hương Trà là học viên trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Hướng nghiên cứu chính là pháp luật về dân sự, thương mại, quốc tế liên quan đến Việt Nam và Nhật Bản.



Trần Thiên Bảo Ngọc là học viên trường Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Hướng nghiên cứu chính là pháp luật về dân sự, thương mại, quốc tế liên quan đến Việt Nam và Nhật Bản.